TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÁNH LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh và Bà Phan Thị Thắng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 12/2022/TB-TA ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Bản 02, xã L, huyện TL, tỉnh BT;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã ĐT, huyện TL, tỉnh BT;

Tại phiên tòa vắng mặt chị M (có đơn xin xét xử vắng mặt); Vắng mặt anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn V có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2018

tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TL, tỉnh BT. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại nhà mẹ ruột của chị M ở Bản 02, xã L, huyện TL.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do có nhiều bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng thường xuyên không tôn trọng nhau, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên, trầm trọng kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Hiện nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn sống đoàn tụ với anh V nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn V có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị TX, sinh ngày 23/3/2017; Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Xuyên cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần yêu cầu anh V phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT để trình bày ý kiến, trình bày lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh V cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án không thực hiện được việc lấy lời khai của bị đơn.

Tòa án đã mở phiên hòa giải vào ngày 14/4/2022 để các đương sự hòa giải đoàn tụ với nhau; Tại phiên tòa giải vắng mặt anh V nên không thể tiến hành hòa giải được, sau đó chị M có đơn từ chối hòa giải, đề nghị xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh BT phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị TX, sinh ngày 23/3/2017 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không cần phải ủy thác tư pháp; Bị đơn có nơi cư trú tại: Thôn Đ, xã ĐT, huyện TL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt, đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn xin từ chối hòa giải nên theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TL, tỉnh BT nên quan hệ hôn nhân của hai đương sự là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù chị M và anh V đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, việc kết hôn là tự nguyện nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn, đến nay chị M yêu cầu ly hôn. Do đó yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M là phù hợp pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2 Về con chung: Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu Nguyễn Thị TX, sinh ngày 23/3/2017 cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn V phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Thị TX đang sống chung với chị M nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Xuyên cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị M. Anh V không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M; Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị TX, sinh ngày 23/3/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Nguyễn Thị M.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007750 ngày 24/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã L, huyện TL, tỉnh BT (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Bình